

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp đòi tiền công lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80a/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tiền công lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Chí K**, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp của K: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện M, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1984 và bà **Huỳnh Thị Hiền P**, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Tất cả đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Lê Chí K: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Lê Chí K do bà Nguyễn Thị Kim N đại diện hợp pháp trình bày:

Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà N cho Lê Chí K nghỉ học đi làm thuê cho ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P. Công việc cụ thể là phụ việc cho tài xế xe Kobe với mức lương 4.000.000 đồng/tháng từ năm 2020. Đến Tết năm 2021, ông Th, bà P đã trả đủ cho K nên bà N không đề cập. Sau Tết thì K bắt đầu làm việc lại từ 06/01/2021 âm lịch đến ngày 24/11/2021 âm lịch được 10 tháng 18 ngày với số tiền công được nhận là 42.394.000 đồng. Tuy nhiên, ông Th chỉ tính tiền công để trả cho Lê Chí K là 22.294.000 đồng và ông Th nợ lại K số tiền 20.100.000 đồng (bao gồm 4 tháng tiền công là 16.000.000 đồng và số tiền 4.100.000 đồng). Do K còn nhỏ tuổi nên bà N thay mặt K điện thoại yêu cầu ông Th phải trả tiền cho K nhưng ông Th nói lý do là nghỉ dịch nên không đồng ý trả. Thực tế dù thời gian dịch bệnh, xe cuộc không hoạt động nhưng K vẫn phải ở lại giữ phà và Kobe cho ông Th, tiền công của K được ông Th thỏa thuận là trả theo lương tháng nên làm nhiều hay không làm vẫn hưởng tiền công 4.000.000 đồng/tháng.

Trong đơn khởi kiện, bà N là mẹ của K yêu cầu ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P phải liên đới trả số tiền công lao động cho Lê Chí K với số tiền là 20.100.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xác định yêu cầu ông Th và bà P trả cho K số tiền công 14.100.000 đồng.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P trình bày: Vợ chồng ông Th và bà P có nhận cháu Lê Chí K vào học nghề với mức lương 4.000.000 đồng/tháng, bắt đầu làm từ năm 2020, đến tết năm 2021 thì ông Th và bà P đã trả tiền công đầy đủ cho cháu K. Đến ngày 06/01/2021 âm lịch cháu K tiếp tục làm việc cho ông Th, bà P, đến tháng 6/2021, do dịch bệnh nên không làm được. Ông Th có nói với cháu K là nghỉ dịch vẫn trả tiền với điều kiện hết dịch vẫn làm cho ông Th, còn nghỉ ngang thì ông Th không trả phần tiền trong thời gian nghỉ dịch. Tuy nhiên, khi vừa hết dịch, làm được 03 ngày thì cháu K nói về nghỉ. Lúc cháu K nói là nghỉ thì ông Th có nói với cháu K là nếu nghỉ ngang thì phần tiền trong thời gian nghỉ dịch bệnh ông Th sẽ không cho, lúc đó cháu K đồng ý. Khi cháu K về ông Th có tính số tiền cháu K xong và khi trả tiền cho cháu K thì ông Th còn nợ lại số tiền 4.100.000 đồng và trừ 04 tháng nghỉ dịch bệnh do xe không hoạt động là 16.000.000 đồng.

Thời gian xe không hoạt động khoảng 04 tháng, lúc đầu ông Th vẫn ở tại phà cùng với cháu K. Sau đó, có doanh nghiệp bảo lãnh cho xe Kobe em của ông Th về để gia cố đê bao chống lũ nhưng chỉ được 02 người về nên ông Th đi

về cùng. Trước khi về, ông Th có gửi phà tại trạm giao thông, cháu K lúc này ở cùng với 01 người nữa, khi ông Th đi về thì ông Th có gửi lại số tiền 4.000.000 đồng để K và 01 người ở cùng K mua đồ ăn uống, khoảng 20 ngày sau ông Th có gửi thêm số tiền 2.000.000 đồng. Ông Th về khoảng 1,5 tháng thì ông Th xuống lại phà, khi xuống thì ông Th có trả tiền mà cháu K và 01 người ở cùng thiếu tại quán với số tiền hơn 3.000.000 đồng. Do trong thời gian nghỉ dịch ông Th nuôi cháu K nhưng khi vừa hết dịch cháu K lại nghỉ ngang mà không ở lại làm nên ông Th, bà P không đồng ý trả tiền công 04 tháng nghỉ dịch.

Tại phiên tòa ông Th, bà P xác định, tại phiên hòa giải trước đây ông Th, bà P đồng ý thống nhất hỗ trợ cho cháu K tổng số tiền 14.100.000 đồng (bao gồm 04 tháng nghỉ dịch hỗ trợ cho K số tiền 10.000.000 đồng và trả tiền còn nợ 4.100.000 đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Th và bà P chỉ đồng ý trả cho cháu K số tiền 4.100.000 đồng.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất được:

Thống nhất cháu K có học việc tại xe của ông Th, bà P với mức lương 4.000.000 đồng/tháng. Thống nhất thời gian cháu K học việc, thời gian cháu K nghỉ việc, thống nhất khi cháu K nghỉ thì ông Th trả tiền cho cháu K nhưng ông Th còn nợ lại cháu K số tiền 4.100.000 đồng và 04 tháng tiền công chưa trả là 16.000.000 đồng.

Thống nhất thời gian dịch bệnh là 04 tháng (trong đó, thời gian ông Th đi về nhà thì cháu K ở tại phà không có ông Th là 1,5 tháng).

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã cung cấp như tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

Ông Th cho rằng khi cháu K nói là nghỉ thì ông Th có nói với cháu K là nếu nghỉ ngang như vậy thì phần tiền lúc dịch bệnh ông Th sẽ không cho (khoảng 04 tháng dịch), lúc đó cháu K đồng ý. Cháu K cho rằng khi đó cháu không có nói gì và đi về không làm cho ông Th nữa.

Phía nguyên đơn yêu cầu ông Th, bà P trả số tiền công cho cháu K là 14.100.000 đồng. Ông Th chỉ đồng ý trả số tiền 4.100.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn sẽ vừa học vừa làm cho bị đơn và được trả lương 4.000.000 đồng/tháng, được bị đơn nuôi ăn, ở. Số tiền công bị đơn còn thiếu 14.100.000 đồng chưa thanh toán trong đó có 4.100.000 đồng mà ông Th trả tiền còn nợ. Bị đơn cũng thừa nhận là trong thời gian bị dịch bệnh (khoảng 04 tháng) thì nguyên đơn không nghỉ việc về nhà mà vẫn ở lại nơi làm việc theo yêu cầu của bị đơn với tổng số thời gian là 04 tháng. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền công như 02 bên đã thỏa thuận, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Áp dụng Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “đòi tiền công lao động” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các đương sự trình bày thống nhất các bên có thỏa thuận cho Lê Chí K theo xe Kobe của ông Th, bà P để học việc với mức lương được trả là 4.000.000 đồng/tháng, nuôi ăn, ở. Khi cháu K nghỉ việc thì ông Th đã tính thời gian làm việc của cháu K để trả tiền công cho cháu K. Ông Th xác định khi tính tiền công để trả thì ông Th nợ cháu K số tiền 4.100.000 đồng và 4 tháng tiền công là 16.000.000 đồng thì ông không trả do thời gian này nghỉ dịch do xe của ông Th không hoạt động. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Th, bà P chỉ đồng ý trả số tiền 4.100.000 đồng.

Xét thấy, phía bị đơn thừa nhận trong thời gian dịch bệnh (khoảng 04 tháng) thì cháu K vẫn ở tại phà cùng với ông Th. Sau đó, xe Kobe của em ông Th được doanh nghiệp bảo lãnh về để gia cố đê bao chống lũ nên ông Th đi về cùng với em của ông Th. Khi thỏa thuận với bà N về mức tiền công trả cho cháu K thì ông Th không thỏa thuận về việc trừ tiền do thời gian nghỉ dịch bệnh. Ông Th cho rằng khi cháu K báo nghỉ việc thì ông Th có nói với cháu K là nếu nghỉ

việc thì ông Th không trả tiền công 04 tháng nghỉ dịch, lúc này cháu K đồng ý nhưng lời trình bày của ông Th không được cháu K thừa nhận. Bà N là mẹ của cháu K cũng không thỏa thuận với ông Th về việc trừ tiền công trong thời gian nghỉ dịch. Như vậy, phía bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền công như hai bên đã thỏa thuận, tổng tiền công mà ông Th, bà P còn phải trả cho K là 20.100.000đồng. Tuy nhiên, bà N là người đại diện hợp pháp cho cháu K yêu cầu ông Th và bà P phải trả tiền công cho cháu K với tổng số tiền 14.100.000 đồng.

Hội đồng xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P có nghĩa vụ liên đới trả tiền công cho cháu K số tiền 14.100.000 đồng.

[3] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P phải liên đới chịu số tiền 705.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 351, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Lê Chí K đối với bị đơn - ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P.

Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P có nghĩa vụ liên đới trả cho Lê Chí K số tiền 14.100.000 đồng (mười bốn triệu một trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị Hiền P phải liên đới chịu số tiền 705.000 đồng (bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn- Lê Chí K không phải chịu án phí, hoàn trả cho K số tiền 503.000 đồng (năm trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Kim N (là người đại diện hợp pháp của Lê Chí K) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010988 ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật

